

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 26-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vùi Văn Tiến

Bà Hà Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2024/TLST - HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Lò Văn S; Sinh năm 1998 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn L, sinh năm 1967 và bà Lý Thị A, sinh năm 1971; Vợ: Lương Thị Thùy L, sinh năm 1998; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/01/2023, bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt 60.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản nguyên khai (quặng vàng) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền cấp, hiện chưa được xóa tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2023 đến ngày 09/01/2024 bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lò Văn H, sinh năm 2001 - Trú tại: Bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào cuối năm 2022, Lò Văn H thực hiện hành vi khai thác, tập kết quặng vàng trái phép tại khu vực bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đến chiều ngày 26/12/2023, H chuẩn bị cuốc, xẻng, tấm sàng, bạt, vôi bột, xi măng, hóa chất Jinchan để tiếp tục phục vụ cho hoạt động khai thác quặng vàng. Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 27/12/2023, H thuê Lò Văn S ủ hóa

quặng vàng, thỏa thuận trả tiền công cho S 200.000 đồng/ngày, S đồng ý. Sau đó, H vận chuyển công cụ, phương tiện lên bãi tập kết quặng đã có từ trước đó, còn S đi sau. Công việc hàng ngày của S là sàng quặng vàng để cho quặng toi xốp, phân nhỏ ra sau đó trộn với vôi bột, xi măng để ủ hóa quặng vàng. Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 31/12/2023, Lò Văn H và Lò Văn S đang thực hiện khai thác quặng vàng trái phép thì bị Tổ công tác Công an tỉnh Lai Châu và Công an huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát hiện, lập biên bản sự việc và thu giữ toàn bộ vật chứng, công cụ, phương tiện bị cáo S cùng Lò Văn H thực hiện hành vi khai thác khoáng sản trái phép, tiến hành trưng cầu giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

Trước đó, ngày 06/01/2023 bị cáo Lò Văn S thực hiện hành vi khai thác khoáng sản nguyên khai (quặng vàng) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền nên đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt 60.000.000 đồng theo quyết định số 16/QĐ-XPVPHC, hiện chưa được xóa tiền sự.

Kết quả cân xác định khối lượng quặng vàng của Lò Văn H và Lò Văn S khai thác trái phép là 15.802 kg.

Tại các bản Kết luận giám định PTGD/01,02,03,04-2024 ngày 06/01/2024 của Trung tâm phân tích và kiểm định địa chất thuộc Cục địa chất Việt Nam, kết luận: “Mẫu vật NS 1.2107631 có chứa hàm lượng Au= 0,3g/t (thu giữ tại vị trí số 6 trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 31/12/2023); Mẫu vật NS 1.2107630 có chứa hàm lượng Au= 0,7 g/t (thu giữ tại vị trí số 3 trong biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/12/2023); Mẫu vật NS 1.2107629 có chứa hàm lượng Au= 6,0 g/t (thu giữ tại vị trí số 2 trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 31/12/2023); Mẫu vật NS 1.2107628 có chứa hàm lượng Au= 5,7 g/t” (thu giữ tại vị trí số 1 trong quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 31/12/2023).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, kết luận: Đối với quặng thu tại vị trí số 3, 6 có hàm lượng Au <1 g/t không xác định là quặng vàng, do đó không có cơ sở xác định giá đối với 02 tài sản này. Đối với 4.298 kg quặng thu giữ tại vị trí số 1, theo kết luận giám định: PTGD/04-2024 ngày 06/01/2024 có chứa vàng hàm lượng Au= 5,7g/t (gam/tấn) có trị giá là 17.600.310 đồng và 5.212kg quặng thu giữ tại vị trí số 2, theo kết luận giám định: PTGD/03-2024 ngày 06/01/2024 có chứa vàng hàm lượng Au= 6,0 g/t (gam/tấn) có trị giá là 25.306.866 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Lò Văn S đều thừa nhận khối lượng quặng vàng là 9.510 kg và khối lượng không phải là quặng vàng là 6.292 kg mà Công an thu giữ là của Lò Văn H và Lò Văn S khai thác trái phép mà có. Đối với 02 xẻng, 01 sàng, 01 cuốc, 01 thùng nhựa màu trắng bên trong đựng 12 kg than hoạt tính, 01 máy bơm nước, 02 bạt và 01 ống dẫn

nước dài 03m là của Lò Văn H, bị cáo S và anh H sử dụng làm công cụ, phương tiện khai thác quặng trái phép.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Thời gian, địa điểm H thuê Lò Văn S và quá trình khai thác quặng trái phép phù hợp lời khai của bị cáo Lò Văn S.

Đối với hành vi khai thác quặng trái phép của Lò Văn H, quá trình điều tra xác định Lò Văn H chưa có tiền án, tiền sự về hoạt động khai thác tài nguyên trái phép. Theo Kết luận định giá tài sản, số quặng mà Lò Văn H và Lò Văn S khai thác trái phép có tổng trị giá 42.907.176 đồng (dưới 100.000.000 đồng) nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự. Do đó, ngày 05/02/2024, Giám đốc Công an tỉnh Lai Châu đã xử phạt Lò Văn H 60.000.000 đồng theo Quyết định số 600/QĐ-XPHC là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSLC-P1 ngày 26/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Lò Văn S về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn S phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn S từ 03 tháng đến 04 tháng tù, khấu trừ thời hạn đã bị tạm giữ là 09 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 227 Bộ luật hình sự: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 02 xẻng, 01 sàng, 01 cuốc, 01 thùng nhựa màu trắng bên trong đựng 12 kg than hoạt tính còn lại sau giám định, 01 máy bơm nước, 02 bạt, 01 ống dẫn nước dài 03m, 6.282 kg quặng (thu tại vị trí số 3) còn lại sau giám định. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 9.500 kg quặng vàng (thu tại vị trí số 1, 2) còn lại sau giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Uyên, Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo Lò Văn S có 01 tiền sự về hành vi khai thác khoáng sản nguyên khai (quặng vàng) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan có thẩm quyền nhưng trong thời gian từ ngày 27/12/2023 đến ngày 31/12/2023, tại khu vực bãi vàng xã P thuộc địa phận bản M, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu, bị cáo Lò Văn S cùng với Lò Văn H lại tiếp tục thực hiện hành vi khai thác 15.802 kg quặng, trong đó có 9.510 kg quặng vàng mà không có giấy phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có tổng trị giá 42.907.176 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là dân tộc thiểu số và là lao động chính trong gia đình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, bản thân chỉ là người đi làm thuê để hưởng tiền công, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có thể cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 3 Điều 227 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng". Xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo còn khó khăn, nghề nghiệp làm ruộng nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: 02 xẻng, 01 sàng, 01 cuốc, 01 thùng nhựa màu trắng bên trong đựng 12 kg than hoạt tính còn lại sau giám định, 01 máy bơm nước, 02 bạt và 01 ống dẫn nước dài 03m là của anh Lò Văn H, bị cáo S và anh H sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi khai thác quặng trái phép. Xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 6.282 kg quặng còn lại sau giám định (thu tại vị trí số 3), kết quả giám định không phải là quặng vàng, xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 9.500 kg quặng vàng (thu tại vị trí số 1, 2) còn lại sau giám định là do khai thác trái phép mà có nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo Lò Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7]. Kiến nghị các cấp chính quyền cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân để tránh xảy ra vi phạm pháp luật bị xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn S phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn S 03 tháng tù, trừ thời hạn đã bị tạm giữ là 09 ngày, thời hạn tù còn lại là 02 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

3. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 xẻng, 01 sàng, 01 cuốc, 01 thùng nhựa màu trắng bên trong đựng 12 kg than hoạt tính còn lại sau giám định, 01 máy bơm nước, 02 bạt, 01 ống dẫn nước dài 03m và 6.282 kg quặng còn lại sau giám định (thu tại vị trí số 3).

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 9.500 kg quặng vàng còn lại sau giám định (thu tại vị trí số 1, 2).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 08 giờ 15 phút ngày 05/4/2024).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo; Người có QL,NVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương